

TÍN DỤNG XANH CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG “NỀN KINH TẾ TÓC BẠC”: CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY TẠI VIỆT NAM

ĐÀO MINH THU
PHẠM THỊ THU THỦY
Trường Đại học Điện lực

Nhận bài ngày 28/8/2026. Sửa chữa xong 30/9/2026. Duyệt đăng 05/10/2026.

Abstract

Population aging is profoundly affecting socioeconomic structures and fostering the emergence of the silver economy, which encompasses production, business, and service activities designed to meet the needs of older people. This economy not only creates requirements for healthcare and social security but also generates substantial investment demand in infrastructure, technology, logistics, housing, tourism, transportation, energy, and support services. This article examines the relationship among the silver economy, small and medium-sized enterprises, and green credit; clarifies the legal foundations of green credit under Vietnamese law; and assesses its development, capital allocation, incentive mechanisms, and barriers facing enterprises and credit institutions. It proposes improving policies on the silver economy and green finance, establishing priority projects that both serve older people and satisfy environmental criteria, developing green credit guarantee mechanisms for small and medium-sized enterprises, reducing green project certification costs, strengthening cash-flow-based credit assessment, facilitating medium- and long-term financing, establishing risk-sharing mechanisms, and controlling greenwashing.

Keywords: *Green credit, green finance, population aging, silver economy, small and medium-sized enterprises, sustainable development.*

1. Đặt vấn đề

Nước ta đang bước vào giai đoạn già hóa dân số và đang tiến tới giai đoạn dân số già trong một khoảng thời gian tương đối ngắn. Sự thay đổi cơ cấu dân số làm gia tăng nhu cầu đối với các sản phẩm và dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chăm sóc dài hạn, nhà ở phù hợp với người cao tuổi, thiết bị hỗ trợ, du lịch, vận tải, logistics, dịch vụ tài chính, bảo hiểm, công nghệ số và các dịch vụ tại nhà. Những nhu cầu này không chỉ tạo ra áp lực đối với hệ thống an sinh xã hội mà còn mở ra một thị trường mới cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tuy nhiên, khu vực doanh nghiệp này thường gặp khó khăn trong tiếp cận vốn vì quy mô vốn nhỏ, tài sản bảo đảm hạn chế, năng lực quản trị tài chính chưa cao, thiếu dữ liệu và chi phí tuân thủ tương đối lớn có thể làm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khó tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn. Điều này càng khó hơn khi doanh nghiệp phải thực hiện chuyển đổi xanh. Để xây dựng một cơ sở chăm sóc người cao tuổi, doanh nghiệp cần phải đầu tư hệ thống điện mặt trời, thiết bị tiết kiệm năng lượng, hệ thống xử lý nước thải, phương tiện vận tải điện hoặc công nghệ quản lý chất thải cần một lượng vốn ban đầu đáng kể nhưng lợi ích kinh tế của khoản đầu tư đó thường chỉ được thu hồi trong trung và dài hạn.

Tín dụng xanh không chỉ là một hình thức cho vay có lãi suất thấp mà là một cơ chế định hướng dòng vốn vào những dự án có lợi ích môi trường, hỗ trợ chuyển đổi sang mô hình phát triển ít phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu, giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Email: thuyptt@epu.edu.vn

trong “nền kinh tế tóc bạc” vượt qua rào cản vốn để đầu tư vào công nghệ và cơ sở hạ tầng xanh. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra không phải việc doanh nghiệp có được vay tín dụng xanh hay không mà là dự án phục vụ người cao tuổi được xác định là dự án xanh trong trường hợp nào; doanh nghiệp phải chứng minh những tiêu chí gì; giá trị xã hội của dự án có được xem xét trong chính sách tín dụng hay không; cơ chế xác nhận dự án xanh có tạo ra chi phí tuân thủ quá lớn đối với doanh nghiệp nhỏ hay không và pháp luật hiện hành đã có cơ chế kết nối giữa chính sách phát triển kinh tế bạc với chính sách tín dụng xanh hay chưa.

Bài viết nghiên cứu, phân tích những quy định về tín dụng xanh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong “nền kinh tế tóc bạc”, đánh giá mức độ phù hợp, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hình thành cơ chế pháp lý và chính sách để có thể kết nối ba mục tiêu: phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy kinh tế tóc bạc và thực hiện chuyển đổi xanh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. “Nền kinh tế tóc bạc”, doanh nghiệp nhỏ và vừa và nhu cầu tín dụng xanh

“Nền kinh tế tóc bạc” bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi hoặc tạo điều kiện để người cao tuổi tiếp tục tham gia vào đời sống kinh tế - xã hội. “nền kinh tế tóc bạc” liên quan đến việc chăm sóc y tế, dược phẩm, nhà ở, giao thông, du lịch, giải trí, tài chính, bảo hiểm đến công nghệ và dịch vụ tại nhà cho người cao tuổi.

Cách tiếp cận này có ý nghĩa trong việc hoạch định đối với chính sách công. Nếu tiếp cận người cao tuổi dưới góc độ nhóm người cần được hỗ trợ, thì hoạch định chính sách chủ yếu tập trung vào trợ cấp, bảo hiểm và chăm sóc y tế nhưng nếu tiếp cận người cao tuổi như một nhóm người tiêu dùng có nhu cầu và khả năng chi trả, thị trường sẽ hình thành động lực để doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm và dịch vụ phù hợp. Khi đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể giữ vai trò là lực lượng cung ứng quan trọng. Người cao tuổi thường có nhu cầu đa dạng và cá nhân hóa cao, nhưng không phải mọi người cao tuổi đều có cùng nhu cầu chăm sóc hoặc cùng khả năng tài chính. Do đó, nhóm chính sách cũng đa dạng theo, có nhóm cần dịch vụ chăm sóc y tế chuyên sâu, nhóm cần phục hồi chức năng, nhóm vẫn có khả năng lao động và du lịch, nhóm cần dịch vụ tại nhà, nhóm cần thiết bị hỗ trợ hoặc ứng dụng công nghệ. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển các mô hình kinh doanh chuyên biệt trên cơ sở các nhu cầu đa dạng của người cao tuổi.

Để cung cấp những sản phẩm và dịch vụ này trong bối cảnh công nghiệp hóa và điều kiện cạnh tranh cao, doanh nghiệp chỉ dựa vào mô hình kinh doanh truyền thống thì chưa đủ. Người tiêu dùng cao tuổi ngày càng quan tâm đến chất lượng môi trường sống, an toàn, sức khỏe và khả năng tiếp cận dịch vụ với yêu cầu thân thiện với môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, có không gian xanh, hệ thống xử lý chất thải và nước thải phù hợp. Một doanh nghiệp logistics phục vụ người cao tuổi có thể cần sử dụng phương tiện phát thải thấp, tối ưu tuyến đường và áp dụng công nghệ số. Một doanh nghiệp du lịch dành cho người cao tuổi có thể cần xây dựng mô hình du lịch xanh và tiếp cận bền vững. Khi đó tín dụng xanh trở thành một yêu cầu tất yếu, tuy nhiên, không phải mọi khoản tín dụng dành cho doanh nghiệp trong “nền kinh tế tóc bạc” đều là tín dụng xanh. Một doanh nghiệp xây dựng viện dưỡng lão thông thường có thể tạo ra giá trị xã hội nhưng chưa chắc tạo ra lợi ích môi trường đủ để được xem là dự án xanh.

Như vậy, hướng tiếp cận có thể phát triển từ việc xây dựng mô hình tín dụng xanh – xã hội dành cho các dự án trong “nền kinh tế tóc bạc”. Mô hình này không đồng nghĩa với việc mở rộng khái niệm tín dụng xanh một cách tùy tiện. Nguyên tắc cốt lõi vẫn phải là: một khoản tín dụng chỉ được xác định là tín dụng xanh khi dự án đáp ứng tiêu chí môi trường theo quy định. Tuy nhiên, sau khi xác định dự án xanh, pháp luật có thể thiết kế cơ chế ưu tiên đối với dự án đồng thời tạo ra giá trị xã hội cao dựa trên các đánh giá về môi trường, an sinh xã hội và vấn đề tài chính. Tín dụng xanh cho kinh tế tóc bạc không phải là một loại tín dụng hoàn toàn mới về mặt pháp lý mà trước hết là một cơ chế định hướng và ưu tiên trong chính sách tín dụng xanh hiện hành ở tầm vĩ mô của nhà nước.

2.2. Thực trạng tín dụng xanh tại Việt Nam và những quy định pháp lý hiện hành

2.2.1. Những kết quả đạt được

Hiện nay, Việt Nam cũng đã có một số quy định bảo vệ môi trường và phân loại xanh; pháp luật ngân hàng và quản lý rủi ro môi trường; pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Quốc hội, 2020) đã tạo nền tảng pháp lý cho việc phát triển tín dụng xanh, Luật quy định các công cụ tài chính để hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường, thay vì chỉ sử dụng các biện pháp hành chính truyền thống.

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Chính phủ, 2022, 2025) hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường tiếp tục cụ thể hóa cơ chế liên quan đến tín dụng xanh. Theo đó, Nhà nước khuyến khích tổ chức tín dụng bố trí nguồn vốn để tài trợ, cho vay ưu đãi đối với các dự án thuộc danh mục phân loại xanh nhưng chủ yếu được thiết kế theo phương thức khuyến khích. Tín dụng xanh không phải là nghĩa vụ cấp tín dụng bắt buộc đối với tổ chức tín dụng. Điều này bảo đảm nguyên tắc thị trường và hạn chế can thiệp hành chính quá mức vào hoạt động ngân hàng nhưng đồng thời làm cho khả năng tiếp cận tín dụng xanh phụ thuộc vào chính sách của từng ngân hàng, khả năng đánh giá rủi ro và việc chứng minh tính xanh của dự án.

Theo Thông tư số 17/2022/TT-NHNN (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2022) hướng dẫn quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã đưa yếu tố môi trường vào quy trình cấp tín dụng nhưng việc quản lý rủi ro môi trường và tín dụng xanh là hai vấn đề khác nhau, không đồng nhất. Quản lý rủi ro môi trường liên quan đến khả năng hoạt động của dự án gây ra rủi ro môi trường và khả năng rủi ro đó ảnh hưởng tới khoản tín dụng còn tín dụng xanh đặt trọng tâm vào việc dòng vốn có được sử dụng cho dự án tạo ra lợi ích môi trường hay hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh hay không.

Theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2025) quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh có ý nghĩa quan trọng tạo cơ sở thống nhất để xác định một dự án có thực sự xanh hay không, giảm tình trạng mỗi tổ chức tín dụng áp dụng một cách hiểu khác nhau về “xanh”. Tuy nhiên, việc hoàn thiện tiêu chí pháp lý chưa đồng nghĩa với việc dòng vốn xanh đã được phân bổ đồng đều giữa các lĩnh vực. Theo các tài liệu nghiên cứu được công bố trước khi Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg được ban hành, dư nợ tín dụng xanh tại Việt Nam đã tăng đáng kể nhưng vẫn chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong tổng dư nợ; đến tháng 9/2022 đạt khoảng 477.500 tỷ đồng, tương đương 4,24% tổng dư nợ tín dụng của nền kinh tế. Cơ cấu tín dụng khi đó tập trung chủ yếu vào năng lượng tái tạo và nông nghiệp xanh, trong khi các lĩnh vực như quản lý chất thải, giao thông và xây dựng bền vững còn hạn chế. Điều này cho thấy tín dụng xanh đã hình thành và tăng trưởng nhưng chưa thực sự bao phủ rộng các lĩnh vực có khả năng tạo ra giá trị cho “nền kinh tế tóc bạc” như nhà ở, chăm sóc người cao tuổi, logistics, giao thông và du lịch xanh (Dương Bích Tuyền, 2022).

Bên cạnh đó, một số ngân hàng đã triển khai sản phẩm và chương trình cho vay xanh với thời hạn, lãi suất hoặc điều kiện ưu đãi khác nhau, song quy mô và phương thức tiếp cận chưa đồng nhất. Nguồn vốn cho tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng trong giai đoạn đầu còn phụ thuộc đáng kể vào các chương trình, dự án và nguồn vốn hỗ trợ quốc tế. Các nghiên cứu cũng cho thấy năng lực chuyên môn của tổ chức tín dụng trong thẩm định, đánh giá rủi ro môi trường - xã hội và theo dõi hiệu quả dự án còn chưa đồng đều; trong khi các dự án xanh thường có thời gian hoàn vốn dài, chi phí đầu tư lớn và cần nguồn vốn trung, dài hạn. Vì vậy, bên cạnh việc hoàn thiện tiêu chí xác định dự án xanh, vấn đề cần được đánh giá là khả năng biến khung pháp lý thành năng lực thẩm định, sản phẩm tín dụng và dòng vốn thực tế đến doanh nghiệp (Dương Bích Tuyền, 2022; Lại Văn Mạnh và cộng sự, 2023).

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiêu chí xanh nếu được thiết kế phức tạp, chi phí chứng minh và xác nhận sẽ trở thành rào cản. Đối với doanh nghiệp lớn, việc thuê đơn vị tư vấn, lập báo cáo kỹ thuật, thu thập dữ liệu môi trường hoặc thực hiện đánh giá độc lập có thể không phải vấn đề lớn. Nhưng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, đây là một khoản chi phí đáng kể. Nếu chi phí chứng minh tính xanh gần bằng hoặc vượt quá lợi ích tài chính mà tín dụng xanh mang lại, doanh nghiệp không có động lực tiếp cận. Vì vậy, hiệu quả của pháp luật cần được đánh giá không chỉ ở mức độ đầy đủ của tiêu chí pháp lý mà còn ở

chi phí tuân thủ, năng lực xác nhận và khả năng tiếp cận thực tế của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.2.2. Khoảng trống giữa pháp luật tín dụng xanh và chính sách phát triển kinh tế tốc bạc

a. Về mục tiêu điều chỉnh

Hiện nay, pháp luật tín dụng xanh quy định tập trung vào các vấn đề về môi trường, nhưng chính sách về người cao tuổi lại hướng tới các vấn đề về an sinh, chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tập trung vào khả năng tồn tại, phát triển và tiếp cận nguồn lực của doanh nghiệp, nhưng kinh tế tốc bạc cần cả ba yếu tố trên. Một dự án kinh tế bạc có thể có giá trị xã hội rất cao nhưng không đạt tiêu chí xanh, hoặc một dự án xanh có thể tạo lợi ích môi trường nhưng không liên quan tới người cao tuổi, một doanh nghiệp nhỏ có thể có dự án xanh và phục vụ người cao tuổi nhưng không đủ tài sản bảo đảm để tiếp cận tín dụng. Trong trường hợp xây dựng các quy định về kinh tế tốc bạc thành một văn bản quy phạm riêng thì doanh nghiệp sẽ phải đồng thời vượt qua nhiều rào cản pháp lý để tiếp cận nguồn tài chính khác nhau, điều này làm tăng chi phí cho doanh nghiệp.

b. Về việc chứng minh tính xanh của dự án của doanh nghiệp

Muốn vận hành tín dụng xanh hiệu quả cần phải có dữ liệu liên quan. Ngân hàng cần biết dự án tạo ra mức giảm phát thải nào, tiết kiệm năng lượng ra sao, sử dụng tài nguyên thế nào và có đáp ứng tiêu chí môi trường hay không. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa không có bộ phận đánh giá môi trường, ESG hoặc phát triển bền vững. Hồ sơ tài chính của doanh nghiệp đôi khi cũng chưa được chuẩn hóa ở mức cao. Nếu yêu cầu doanh nghiệp tự mình thực hiện toàn bộ quá trình đánh giá, chi phí sẽ tăng. Do đó, để doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp nhận được nguồn vốn tín dụng xanh thì thực sự cần phải đơn giản hóa và tiêu chuẩn hóa quy trình chứng minh tính xanh.

c. Về cơ chế ưu đãi và động lực cấp tín dụng xanh

Một khoảng trống khác là cơ chế khuyến khích hiện nay chưa đủ mạnh để tạo động lực đồng thời cho cả ngân hàng và doanh nghiệp. Pháp luật chủ yếu định hướng tổ chức tín dụng ưu tiên bố trí nguồn vốn cho dự án thuộc danh mục xanh, nhưng việc cấp tín dụng vẫn phụ thuộc vào khả năng đánh giá rủi ro, chi phí vốn, thời hạn huy động và chính sách kinh doanh của từng ngân hàng. Trong khi đó, các dự án xanh thường cần vốn đầu tư ban đầu lớn và thời gian hoàn vốn dài. Tài liệu nghiên cứu về tín dụng xanh cho thấy sự chênh lệch giữa nguồn vốn huy động ngắn hạn của tổ chức tín dụng và nhu cầu vốn dài hạn của dự án xanh có thể làm tăng rủi ro thanh khoản, qua đó làm giảm động lực cấp tín dụng. Vì vậy, khoảng trống không chỉ nằm ở phía doanh nghiệp mà còn nằm ở cơ chế tạo nguồn vốn dài hạn, hỗ trợ lãi suất và chia sẻ rủi ro cho tổ chức tín dụng (Lại Văn Mạnh và cộng sự, 2023). Đối với kinh tế tốc bạc, vấn đề này càng đáng chú ý vì nhiều dự án chăm sóc, nhà ở, phục hồi chức năng, logistics hoặc du lịch cho người cao tuổi cần thời gian đủ dài để hình thành thị trường và tạo dòng tiền ổn định.

d. Về tài sản bảo đảm và phương thức thẩm định tín dụng

Trong tiếp cận vốn, tài sản bảo đảm là vấn đề phổ biến của doanh nghiệp nhỏ và vừa và trở nên đáng chú ý hơn đối với tín dụng xanh. Nhiều dự án xanh có vốn đầu tư ban đầu lớn, nhưng tài sản hữu hình không có giá trị cao. Công nghệ, phần mềm, dữ liệu, thương hiệu hoặc dòng tiền trong tương lai có thể tạo ra giá trị kinh tế nhưng khó được sử dụng như tài sản bảo đảm truyền thống. Đối với doanh nghiệp dịch vụ trong kinh tế tốc bạc, vấn đề này càng rõ rệt. Một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chăm sóc tại nhà có thể có hệ thống công nghệ và lượng khách hàng ổn định, nhưng không sở hữu nhiều bất động sản. Nếu ngân hàng yêu cầu tài sản thế chấp lớn, doanh nghiệp bị hạn chế trong việc tiếp cận vốn. Mặt khác, một số nghiên cứu về thị trường tín dụng xanh còn chỉ ra hạn chế về năng lực chuyên môn, quy trình nội bộ và nhân sự thẩm định xanh tại các tổ chức tín dụng. Do đó, hoàn thiện chính sách không nên chỉ tập trung nơi điều kiện tài sản bảo đảm mà cần đồng thời nâng cao năng lực thẩm định dựa trên dữ liệu, dòng tiền và rủi ro môi trường - xã hội. Đây là điều kiện để chuyển từ mô hình xét duyệt dựa nặng vào tài sản sang mô hình đánh giá tổng hợp khả năng trả nợ và hiệu quả của dự án (Lại Văn Mạnh và cộng sự, 2023).

d. Về vấn đề chia sẻ rủi ro

Thông thường, khi đánh giá một dự án tín dụng xanh, ngân hàng thường thận trọng với rủi ro. Dự án xanh có thể có thời gian hoàn vốn dài, yếu tố công nghệ thay đổi nhanh và lợi ích môi trường đôi khi khó chuyển hóa thành doanh thu trực tiếp. Tài liệu nghiên cứu về tín dụng xanh cũng cho thấy chi phí vốn của tổ chức tín dụng và sự chênh lệch kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động với nhu cầu vốn dài hạn của dự án là một trở ngại đáng kể. Trong kinh tế tóc bạc, nhiều dự án còn phụ thuộc vào sức mua của người dân và khả năng chi trả của gia đình, đặc biệt đối với các dịch vụ chăm sóc dài hạn. Nếu ngân hàng phải tự gánh toàn bộ rủi ro, việc mở rộng tín dụng xanh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ khó khăn. Vì vậy, cần thiết kế cơ chế chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước, quỹ bảo lãnh tín dụng, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp và các nguồn vốn ưu đãi quốc tế; đồng thời có cơ chế hỗ trợ nguồn vốn trung và dài hạn để giảm áp lực chi phí vốn cho ngân hàng (Lại Văn Mạnh và cộng sự, 2023).

2.3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và chính sách tiếp cận tín dụng xanh cho “nền kinh tế tóc bạc” của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Từ những phân tích trên, bài viết đề xuất một số giải pháp sau đây:

2.3.1. Về cơ chế xác định và ưu tiên dự án

Khi Việt Nam xây dựng chính sách phát triển kinh tế tóc bạc đến năm 2030, tầm nhìn 2045, vấn đề vốn cần được coi là một phần quan trọng trong hoạch định và thúc đẩy triển khai chính sách chứ không phải vấn đề phụ trợ. Kinh nghiệm phát triển tín dụng xanh cho thấy việc có danh mục dự án và tiêu chí môi trường là cần thiết nhưng chưa đủ; cần đồng thời xác định nguồn vốn, cơ chế ưu đãi, phương thức thẩm định, giám sát và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan. Do đó, chính sách phát triển kinh tế tóc bạc cần có nội dung riêng về huy động vốn xanh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhưng không nên tạo thêm một hệ thống pháp lý tách biệt làm tăng chi phí tuân thủ. Pháp luật hiện nay chưa có cơ chế riêng cho dự án vừa xanh vừa có giá trị xã hội cao. Vì vậy, có thể xây dựng cơ chế “ưu tiên”: tiêu chí môi trường là điều kiện để được công nhận là dự án xanh; giá trị xã hội đối với người cao tuổi là căn cứ để được ưu tiên về lãi suất, bảo lãnh hoặc hỗ trợ; còn năng lực tài chính và khả năng trả nợ là điều kiện để ngân hàng quyết định cấp tín dụng.

Xuất phát từ những quy định hiện hành trong đó đã có tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, cần xây dựng danh mục dự án ưu tiên phục vụ “nền kinh tế tóc bạc” gắn liền với hệ thống phân loại xanh hiện hành, mà nên được thiết kế như một nhóm ưu tiên bên trong hệ thống đó. Các dự án có thể bao gồm cơ sở chăm sóc người cao tuổi xanh, bệnh viện và trung tâm phục hồi chức năng xanh, nhà ở xanh cho người cao tuổi, phương tiện giao thông điện phục vụ người cao tuổi, logistics xanh đối với dược phẩm và thiết bị y tế, sản xuất thiết bị hỗ trợ người cao tuổi theo công nghệ sạch và các mô hình du lịch xanh dành cho người cao tuổi.

2.3.2. Về cơ chế giảm rào cản tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Với nội dung đánh giá về tài sản thế chấp trong tín dụng xanh, việc bảo lãnh tín dụng có thể giúp giải quyết một trong những điểm nghẽn. Nhà nước không nhất thiết phải bảo lãnh toàn bộ khoản vay mà có thể bảo lãnh một tỷ lệ nhất định dựa trên mức độ ưu tiên và rủi ro của dự án. Có thể ưu tiên mức bảo lãnh cao hơn cho các dự án đáp ứng đồng thời tiêu chí xanh và giá trị xã hội.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ thường có những dự án quy mô nhỏ, do đó không nên áp dụng cùng một mức độ hồ sơ và đánh giá như dự án quy mô lớn. Cần nghiên cứu phân loại dự án thành dự án xanh quy mô nhỏ, dự án xanh quy mô vừa và dự án xanh có rủi ro cao, trong đó mỗi nhóm áp dụng mức độ xác nhận và kiểm tra khác nhau. Đồng thời cần có mẫu hồ sơ đơn giản cho dự án nhỏ, danh mục tiêu chí chuẩn, nền tảng số để khai báo, hỗ trợ chi phí xác nhận và tư vấn kỹ thuật cho doanh nghiệp. Cách tiếp cận này vừa giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, vừa giúp ngân hàng và cơ quan quản lý tập trung nguồn lực thẩm định vào các dự án có rủi ro cao. Đây cũng là cách khắc phục tình trạng thiếu năng lực chuyên môn và quy trình thẩm định xanh tại một bộ phận tổ chức tín dụng được phản ánh trong các nghiên cứu trước đây (Lại Văn Mạnh và cộng sự, 2023).

2.3.3. Về cơ chế chia sẻ rủi ro, minh bạch thông tin và hậu kiểm

Như phân tích trên đây, đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong kinh tế tóc bạc, dòng tiền từ hợp đồng chăm sóc, doanh thu dịch vụ, hợp đồng với bệnh viện, doanh nghiệp bảo hiểm hoặc các tổ chức khác có thể có giá trị quan trọng hơn tài sản thế chấp. Ngân hàng cần có cơ chế sử dụng dữ liệu để đánh giá khả năng trả nợ. Đồng thời Nhà nước cần khuyến khích doanh nghiệp bằng cách hỗ trợ cấp một phần ngân sách; phần còn lại có thể nhận được từ quỹ bảo lãnh tín dụng; nguồn vốn ưu đãi quốc tế; vốn thương mại của ngân hàng; vốn của doanh nghiệp. Cơ chế này sẽ giúp giảm áp lực lên một chủ thể duy nhất về mặt rủi ro trong việc sử dụng và triển khai nguồn vốn.

Liên quan đến dự án cấp tín dụng xanh có nhiều bên tham gia. Một thị trường tín dụng xanh chỉ có thể phát triển bền vững nếu các bên có thông tin đáng tin cậy. Về phía doanh nghiệp, việc sử dụng vốn cần được chứng minh sự rõ ràng và hiệu quả. Về phía ngân hàng, phải có quy trình đánh giá. Các tổ chức liên quan trong việc thẩm tra, thẩm định dự án cần có sự độc lập nhất định. Cơ quan quản lý phải có khả năng hậu kiểm. Đồng thời, phải xử lý nghiêm hành vi greenwashing (hành vi tẩy xanh), bởi việc gắn nhãn “xanh” nhưng không tạo ra lợi ích môi trường thực chất có thể làm suy giảm niềm tin của ngân hàng, nhà đầu tư và doanh nghiệp đối với toàn bộ thị trường tín dụng xanh (Lại Văn Mạnh và cộng sự, 2023).

3. Kết luận

Khung pháp lý về tín dụng xanh của Việt Nam đã từng bước được hoàn thiện, từ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 17/2022/TT-NHNN đến Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg. Tuy nhiên, đánh giá thực tiễn cho thấy việc mở rộng tín dụng xanh còn chịu tác động của quy mô dòng vốn, sự tập trung vào một số lĩnh vực, chi phí và năng lực xác nhận dự án, hạn chế về tài sản bảo đảm, năng lực thẩm định của tổ chức tín dụng và sự chênh lệch giữa nguồn vốn ngắn hạn với nhu cầu vốn dài hạn. Vì vậy, vấn đề trọng tâm không còn chỉ là hoàn thiện tiêu chí “xanh” mà là làm thế nào để khung pháp lý tạo ra dòng vốn thực tế, với chi phí và điều kiện phù hợp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đối với “nền kinh tế tóc bạc”, cần nghiên cứu cơ chế liên kết giữa tiêu chí xanh, giá trị xã hội và năng lực tài chính, trong đó tiêu chí môi trường vẫn là điều kiện cốt lõi, giá trị xã hội đối với người cao tuổi là yếu tố ưu tiên và khả năng trả nợ là điều kiện bảo đảm an toàn tín dụng. Về dài hạn, cần chuyển từ cách tiếp cận chính sách riêng lẻ sang mô hình tích hợp giữa già hóa dân số, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và tài chính xanh; đồng thời phát triển cơ chế bảo lãnh, nguồn vốn trung và dài hạn, đánh giá dựa trên dòng tiền, xác nhận theo mức độ rủi ro và giám sát sau cấp tín dụng. Khi đó, tín dụng xanh không chỉ phục vụ mục tiêu môi trường mà còn có thể trở thành công cụ huy động nguồn lực tư nhân, thúc đẩy kinh tế tóc bạc và tạo động lực tăng trưởng mới cho Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2022). *Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*.
- Chính phủ (2025). *Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*.
- Dương Bích Tuyền (2022). Một số vấn đề về phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển*, (18).
- Lại Văn Mạnh, Phan Mai Linh, & Tạ Đức Bình (2023). Khung pháp lý cho thị trường tín dụng xanh, trái phiếu xanh trong pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam. *Tạp chí Ánh sáng & Cuộc sống*, (164), 122–130.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2022). *Thông tư số 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*.
- Quốc hội (2020). *Luật Bảo vệ môi trường*. Luật số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.
- Thủ tướng Chính phủ (2025). *Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh*.